

Số: 139 /TTr-GĐ-HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2016

## TỜ TRÌNH

*V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty*

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông**

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định hiện hành đã được sửa đổi, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2014 (gọi là Điều lệ Công ty 2014) theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012. Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (LDN 2014) ngày 26/11/2014, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 2014.

Tổng quát nội dung trình đề nghị sửa đổi, bổ sung lần này là giữ nguyên cơ cấu Điều lệ Công ty 2014 - với Phần mở đầu, Phần giải thích từ ngữ và 10 chương 76 điều (tăng 01 điều). Nội dung cụ thể được sửa đổi, bổ sung như sau: *Giữ nguyên* 47 điều, gồm các điều: 1, 2, 4, 5, 6...; *sửa đổi, bổ sung*, một số điểm tại mục Giải thích từ ngữ và 26 điều - gồm các điều: 3, 7, 8, 9, 17, 19, 20, 21, 22, 24, 26, 27, 29, 32, 33, 35, 45, 47, 48, 50, 53, 59, 63, 69, 70, 75; *thêm mới* 02 điều: <sup>1</sup>Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát và <sup>2</sup>Tỷ lệ sở hữu người nước ngoài; *giảm* 01 điều do gộp điều về Quyền hạn và Nhiệm vụ của HĐQT thành 01 điều.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung áp dụng theo LDN 2014 có ý nghĩa tăng tính khả thi về các điều kiện hoạt động của công ty cổ phần; như tự do kinh doanh các ngành nghề mà luật không cấm (Điều 7), điều chỉnh về quyền và nghĩa vụ của cổ đông như tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần để ứng cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát (Điều 21, 22), thêm hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (Điều 26), nâng tính chuyên nghiệp của kiểm soát viên (Điều 45, 48)... HĐQT soát xét kỹ lưỡng nội dung về tỷ lệ của các điều khoản như: Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ, Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.

Theo đó, kèm theo tờ trình này là 02 Bảng đối chiếu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - thể hiện tương ứng từng điều khoản sửa đổi, bổ sung với Điều lệ hiện hành để quý cổ đông thuận tiện nghiên cứu. Cụ thể như sau:

- Bảng đối chiếu A: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 2014:** gồm phần lớn nội dung sửa đổi, bổ sung và đề nghị cổ đông biểu quyết thông qua.
- Bảng đối chiếu B: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 2014:** gồm 3 điều mà HĐQT chưa thống nhất và đề nghị cổ đông biểu quyết một trong hai lựa chọn.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đã được đăng tải tại trang tin điện tử Công ty [capnuocgiadinh.vn](http://capnuocgiadinh.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV.HĐQT).







**BẢNG ĐỐI CHIẾU A: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2014**

Kèm theo Tờ trình số...../TTr-GĐ-HĐQT ngày / /2016

Điều lệ hiện hành (Điều lệ 2014)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú căn cứ
<b>Mục Giải thích từ ngữ</b>		
“Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 9 Điều lệ này;  “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;	Bỏ cụm từ “Vốn điều lệ”  “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;	Sẽ được giải thích tại Điều 9. Vốn điều lệ.
<b>Điều 3: Thời hạn hoạt động</b>		
1. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoạt động hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ quyết định hoặc theo quy định của pháp luật. 2. Ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động, HĐQT thực hiện các thủ tục trình ĐHĐCĐ gia hạn hoạt động của Công ty theo qui định pháp luật.	Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 69 Điều lệ Công ty.	LDN 2014 không nêu thời hạn hoạt động của công ty cổ phần
<b>CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</b>		
<b>Điều 7: Quyền của Công ty</b>		
1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. 2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.  3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng. 4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.  5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.  6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.	1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.  2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh. 3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn. 4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.  5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.  6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.	Điều 7 LDN 2014





<p>7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.</p> <p>8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.</p> <p>9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.</p> <p>10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</p> <p>11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.</p> <p>13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>7. <i>Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.</i></p> <p>8. <i>Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.</i></p> <p>9. <i>Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>10. <i>Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</i></p> <p>11. <i>Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>12. <i>Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.</i></p>	
<b>Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty</b>		
<p>1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p> <p>2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm..</p> <p>5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;</p>	<p>1. <i>Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.</i></p> <p>2. <i>Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.</i></p> <p>3. <i>Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>4. <i>Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>5. <i>Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.</i></p>	<p>Điều 8 – LDN 2014</p>



<p>6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.</p> <p>7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;</p> <p>8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.</p> <p>8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh.</p> <p>9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.</p>	
--	---	--

### **CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN**

#### **MỤC 1: VỐN**

##### ***Điều 9: Vốn điều lệ***

<p>1. Vốn điều lệ là số vốn do tất cả thành viên đóng góp và được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật nhưng được tính toán bằng đồng Việt Nam tại ngày góp vốn và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị tiền tệ duy nhất là đồng Việt Nam.</p>	<p>1. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua do tất cả thành viên đóng góp và được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật nhưng được tính toán bằng đồng Việt Nam tại ngày góp vốn và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị tiền tệ duy nhất là đồng Việt Nam.</p>	<p><i>Điều 111 LDN 2014</i></p>
--	---	-------------------------------------

##### ***Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại***

<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn</p>	<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần</p>	<p><i>Điều 131 LDN 2014</i></p>
--	---	-------------------------------------



<p>trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.</p> <p>3. Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.</p>	<p>được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.</p>	
<b>CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>		
<p><b>Điều 19: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty</b> Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;</p> <p>2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp HĐQT chấp thuận;</p> <p>3. ...</p>	<p><b>Điều 19: Trách nhiệm chung của người quản lý Công ty:</b> Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty có trách nhiệm sau:</p> <p>1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông ;</p> <p>2. Trung thành với lợi ích Công ty và cổ đông của Công ty; không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp HĐQT chấp thuận;</p> <p>3. ...</p> <p>4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.</p> <p>5. Kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 159, 160 - LDN 2014</p>
<b>CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>		
<b>MỤC I: CỔ ĐÔNG</b>		
<b>Điều 20: Quy định chung về cổ đông</b>		
<p>3. Cổ đông sáng lập là những cổ đông:</p> <p>a. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu.</p> <p>b. Và cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ</p>	<p>3. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty.</p>	<p>Điều 4- LDN 2014</p>



phần phổ thông được quyền chào bán.		
<b>Điều 21: Quyền của cổ đông</b>		
<p>...</p> <p>10. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT và BKS theo các quy định sau đây:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 5% đến dưới 10% được cử 1 người, từ 10% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người; từ 50% đến dưới 70% được cử 4 người, từ 70% trở lên được cử 5 người.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% trở lên số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào BKS của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 3% đến dưới 10% được cử 1 người, từ 10% đến dưới 20% được cử 2 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 3 người; từ 30% đến dưới 40% được cử 4 người, từ 40% trở lên được cử 5 người.</p>	<p>...</p> <p>10. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT và BKS theo các quy định sau đây:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 20% được cử 1 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người; từ 50% đến dưới 70% được cử 4 người, từ 70% trở lên được cử 5 người.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào BKS của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 20% được cử 1 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người; từ 50% trở lên được cử 4 người.</p> <p>11. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của HĐQT;</p> <p>c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của ĐHCĐ;</p> <p>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 114-LDN 2014</p>



<b>Điều 22: Nghĩa vụ của các cổ đông</b>		
1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và Giám đốc công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.	1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và Giám đốc công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Điều 115-LDN 2014
<b>MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>		
<b>Điều 24: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>		
1. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, BGĐ;  2. Thông qua báo cáo tài chính năm; quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức, trích lập các quỹ theo đề nghị của HĐQT; ...  9. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và hoạt động của HĐQT; 2. Thông qua Báo cáo đánh giá của BKS về hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty và tự đánh giá hoạt động của BKS; 3. Thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính của Công ty; thông qua chỉ tiêu kinh doanh về kế hoạch hằng năm của Công ty  4....  12. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư và bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Điều 135, 136, 143-LDN 2014
<b>Điều 26: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</b>		
2. a. Chuẩn bị một (01) danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ (trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng) và chương trình họp, các tài liệu phù hợp với quy định của Công ty  c. Gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho các cổ đông có quyền dự họp trước ít nhất	2. a. Chuẩn bị một (01) danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết chậm nhất năm ngày (05) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ (trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng) và chương trình họp, các tài liệu phù hợp với quy định của Công ty  c. Gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho các cổ đông có quyền dự họp trước ít nhất	Điều 137, Điều 139, Điều 140, Điều 148-LDN 2014



<p>mười lăm (15) ngày. Thông báo mời họp nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để cổ đông có thể tiếp cận các thông tin, tài liệu liên quan đến Đại hội.</p> <p>...</p> <p>5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không đúng theo trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình</p>	<p>mười (10) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Thông báo mời họp nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để cổ đông có thể tiếp cận các thông tin, tài liệu liên quan đến Đại hội.</p> <p>...</p> <p>5. Các Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định</p> <p>6. Đại hội cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p>	
<b>Điều 29: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>		
<p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. <i>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có). Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</i></p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Đ146 - LDN 2014</p>
<b>Điều 33: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>		
<p>1. Lý do và điều kiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>Khi phát sinh những vấn đề khẩn cấp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà HĐQT xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, thì HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.</p>	<p>1. Lý do và điều kiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>Khi phát sinh những vấn đề khẩn cấp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà HĐQT xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, thì HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.</p>	<p>Điều 144- LDN 2014</p>
<p><b>CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p> <p><b>MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>		



<b>Điều 35: Quy định chung về Hội đồng quản trị</b>		
1. Số thành viên của HĐQT tối đa là 7 người, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	1. Số thành viên của HĐQT từ 3 đến 7 người, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	Điều 149, Điều 150-LDN 2014
<b>Điều 38: Quyền hạn của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 38: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>	
<p>1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>5. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng và giá mua lại cổ phần của Công ty;</p> <p>6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư;</p> <p>7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>8. Phê duyệt quy chế quản lý nội bộ liên quan trực tiếp đến hoạt động của HĐQT, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>9. Quyết định thời hạn, thủ tục, mức cổ tức tạm ứng và tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>10. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>11. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại công ty khác;</p> <p>12. Chỉ định đơn vị kiểm toán độc lập hợp pháp để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính năm cho Công ty.</p> <p>Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>5. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng và giá mua lại cổ phần của Công ty;</p> <p>6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Giám đốc; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>8. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>9. Quyết định quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	<p>Điều 149 LDN 2014 (gộp Điều về nhiệm vụ và Điều về quyền hạn của Hội đồng quản trị thành 01 Điều)</p>
<b>Điều 38: Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>		
<p>1. Phê duyệt và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>2. Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành hoạt động kinh</p>		



<p>doanh của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển đã được phê duyệt;</p> <p>3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng các thành viên trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;</p> <p>4. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p> <p>5. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;</p> <p>6. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;</p> <p>7. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận bao gồm mức cổ tức được trả hàng năm;</p> <p>8. Báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, việc giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc Công ty.</p> <p>Các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>10. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;</p> <p>11. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;</p> <p>12. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>13. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<b>Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>		
<p>2. Trường hợp cần thiết,...</p> <p>Cuộc họp bất thường phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Sau mười lăm (15) ngày, những người yêu cầu họp bất thường có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Trường hợp cần thiết,...</p> <p>Cuộc họp bất thường phải được tiến hành trong thời hạn <b>bảy (07) ngày</b> sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Sau <b>bảy (07) ngày</b>, những người yêu cầu họp bất thường có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p><i>Điều 153-LDN 2014</i></p>
<b>MỤC II: BAN KIỂM SOÁT</b>		
<b>Điều 45: Quy định chung về Ban kiểm soát</b>		
<p>2. BKS có tối đa 5 thành viên. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của công ty. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban.</p> <p>4. Trong BKS có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên hoặc có chuyên môn về kế toán tài chính.</p> <p>5. Tiêu chuẩn thành viên BKS:</p>	<p>2. BKS có tối đa 5 thành viên. <i>Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của công ty. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</i></p> <p>4. (bỏ)</p> <p>5. Tiêu chuẩn thành viên BKS:</p>	<p><i>Điều 164, 167-LDN 2014</i></p>



<p>a. Là cổ đông hoặc người khác do cổ đông đề cử;</p> <p>b. ...</p> <p>c. Có trình độ đại học;</p> <p>...</p> <p>6. Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>c. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>...</p> <p>6. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS; được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác; Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.</p>	
<p><b>Điều 47: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thành viên BKS đương nhiên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Khoản 5 Điều 45 Điều lệ này;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong vòng 6 tháng mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.</p> <p>c. Có đơn xin từ chức;</p> <p>2. Ngoài các trường hợp trên, thành viên BKS có thể bị bãi nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, BKS ban hành quyết định về việc thành viên BKS đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm; thông báo cho HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.</p>	<p><b>Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 5 Điều 45 Điều lệ này;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường; BKS thông báo bằng văn bản cho HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.</p>	<p>Điều 109, 169-LDN 2014</p>
<p><b>Điều 48: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành</b></p>	<p><b>Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm</b></p>	



<p><b>viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.</p> <p>2. BKS phải họp ít nhất một quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi HĐQT và là tài liệu lưu giữ của Công ty.</p> <p>3. Mỗi thành viên BKS dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>a. Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>b. ...</p>	<p><b>soát</b></p> <p>1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của LDN.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của LDN, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của LDN thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm</p>	<p>Điều 165-LDN 2014</p>
--	---	--------------------------



	<p>chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</p> <p>12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của LDN, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p>	
(không có)	<p><b>Điều 48Bis. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.</p> <p>3. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</p> <p>5. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.</p>	Điều 166-LDN 2014
<b>Điều 50: Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc</b>		
Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của Công ty; có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:	Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao; Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 157-LDN 2014
<b>Điều 53: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b>		
1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các	1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các	



<p>đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Thành viên HĐQT, BKS, BGĐ và Kế toán trưởng;</li> <li>- Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, BGĐ và Kế toán trưởng.</li> </ul> <p>a. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, Giám đốc phải gửi đến các thành viên HĐQT dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo hoặc thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết và không được tính vào số lượng thành viên dự họp để tính tỷ lệ thông qua đối với các hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>b. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>2. Đối với các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký</p> <p>3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại</p>	<p>đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên HĐQT, KSV, BGĐ, Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định tại khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, Giám đốc phải gửi đến các thành viên HĐQT, KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo hoặc thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết và không được tính vào số lượng thành viên dự họp để tính tỷ lệ thông qua đối với các hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, Giám đốc công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Giám đốc, người ký kết hợp đồng, cổ đông hoặc thành viên HĐQT có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các</p>	<p>Điều 162-LDN 2014</p>
---	--	--------------------------



phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
<b>Điều 59: Báo cáo thường niên</b> 1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty. 2.... 3....	<b>Điều 59: Trình báo cáo hằng năm</b> 1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: a. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty. 2.... 3.... 4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định, chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ. 5. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.	Điều 170-LDN 2014
<b>Điều 63. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ</b>		
... 1. Trích 10% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 25% vốn Điều lệ. 2. ...	... 1. (Bỏ) 2. ...	Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán DN
<b>Điều 69. Chấm dứt hoạt động</b>		
1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. b. c. Hết thời hạn hoạt động của Công ty mà không tiếp tục gia hạn; d...	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. b. c. (Bỏ) d...	Theo Điều 3 Điều lệ này
<b>Điều 70. Thanh lý</b>		
1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý. ...	1. Khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý. ...	Theo Điều 3 Điều lệ này
<b>Điều 75. Hiệu lực và đăng ký Điều lệ</b>		
1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2014, sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua.	1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua. ...	



**BẢNG ĐỐI CHIẾU B: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2014**

Kèm theo Tờ trình số ...../TTr-GĐ-HĐQT ngày //

Điều lệ hiện hành (Điều lệ 2014)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú căn cứ
	Chọn lựa 1	Chọn lựa 2	
Điều 10Bis: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty			
(không có)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Trường hợp pháp luật có quy định khác về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành cung cấp nước sạch thì tuân theo quy định của pháp luật.	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 25%. Trường hợp pháp luật có quy định khác về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành cung cấp nước sạch thì tuân theo quy định của pháp luật.	Luật Đầu tư 2014, Nghị định 60/2015/NĐ-CP
Điều 27: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông			
1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>65%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo khoản 1 Điều này thì lấy ý kiến cổ đông có mặt để quyết định hủy cuộc họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số lượng cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất <b>51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>65%</b> tổng số phiếu biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo khoản 1 Điều này thì lấy ý kiến cổ đông có mặt để quyết định hủy cuộc họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số lượng cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	2. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo khoản 1 Điều này thì lấy ý kiến cổ đông có mặt để quyết định hủy cuộc họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số lượng cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất <b>33%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	<div>25 - C.T.C.P</div> <div>CHÍNH</div> <div>Chọn lựa 1 căn cứ theo Điều 102 LDN 2005</div> <div>Chọn lựa 2 căn cứ theo Điều 141 LDN 2014 nhằm tăng tính khả thi về điều kiện họp</div>



Điều lệ hiện hành (Điều lệ 2014)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú căn cứ
	Chọn lựa 1	Chọn lựa 2	
<b>Điều 32: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>			
<p>1. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:</p> <p>c. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất <b>65%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>d. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <b>50%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <b>75%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p>	<p>1. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:</p> <p>c. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất <b>65%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>d. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <b>35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <b>75%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p>	<p>1. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:</p> <p>c. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>d. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <b>35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <b>65%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</p>	<p><i>Chọn lựa 1: tỉ lệ thông qua 65% và 75% được căn cứ theo Điều 104-LDN 2005</i></p> <p><i>Chọn lựa 2: tỉ lệ thông qua 51% và 65% được căn cứ theo Điều 144-LDN 2014 nhằm tăng tính khả thi để thông qua quyết định</i></p>